

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐĂKLĂK

Số 274/1999/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 05 tháng 2 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐĂKLĂK
V/v trợ cấp Giáo viên vùng khó khăn và tiền lương, học phí
của ngành học Mầm non.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂKLĂK

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước CHXHCN Việt nam thông qua ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Nghị quyết số 35/1998/NQ-HĐ ngày 9-10-1998 về trợ cấp Giáo viên vùng khó khăn, Nghị quyết 36/1998 NQ-HĐ ngày 9-10-1998 của HĐND tỉnh về tiền lương học phí của ngành học Mầm non;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I: VỀ VIỆC TRỢ CẤP CHO GIÁO VIÊN VÙNG KHÓ KHĂN

1/ Trợ cấp một lần đối với giáo viên tuyển mới (Trừ diện cử tuyển) và được điều động đến các trường thuộc vùng khó khăn theo các khu vực sau:

a/ Giáo viên Trung học phổ thông tuyển mới, đến nhận công tác tại các huyện:

- EaHleo, Krông Năng, Đăk Mil, được trợ cấp mức 02 triệu đồng/ người
- MaĐrăk, Lăk, Đăk nông, ĐrLấp, được trợ cấp mức 03 triệu đồng/ người
- Ea súp, Krông Nô, KRông Bông, được trợ cấp mức 04 triệu đồng / người

b/ Giáo viên Trung học cơ sở, Tiểu học, tuyển mới được điều động về các trường thuộc các xã, thôn buôn khu vực III (Theo Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23-5-1997 của Ủy ban dân tộc Miền núi và các Quyết định hiện hành khác) được hưởng trợ cấp một lần theo mức sau:

- Thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện: KRông buk, KRông păk, KRông Ana, Eaka, mức trợ cấp 02 triệu đồng / người .
- CưMga r, Đăk Mil, EahLeo, Buôn Đôn, KRông Năng, CuJut, mức trợ cấp 03 triệu đồng/ người.
- Ea Sup, Krông Nô, Krông Bông, Lăk, Đăk rLấp, Đăk Nông, Ma Đrăk, mức trợ cấp 04 triệu đồng/người.

2/ Trợ cấp thường xuyên (10 tháng/ Năm học) đối với :

- Cán bộ quản lý, giáo viên thuộc các ngành học Mầm non, Tiểu học, Trung học (Bao gồm cả tổng phụ trách đội, giáo viên chuyên trách Bó túc văn hoá) đang công tác tại các trường thuộc các xã, thôn buôn khu vực III và giáo viên dạy song ngữ Việt- Ê đê :

- + Mức trợ cấp 60 ngàn đồng/ tháng/ người công tác ở phân hiệu chính và giáo viên dạy song ngữ Việt- Êđê.
- + Mức trợ cấp 90 ngàn đồng/tháng/ người công tác ở phân hiệu phụ cách phân hiệu chính từ 05Km trở lên.

3/ Thời gian thực hiện từ năm học 1998-1999.

ĐIỀU II: VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ HỌC PHÍ NGÀNH HỌC MẦM NON

Thực hiện thu một phần học phí để cùng với ngân sách Nhà nước chi trả lương cho giáo viên thuộc ngành học Mầm non theo các khu vực như sau:

1/ Đối với các trường ở khu vực I:

a/ Các trường thuộc các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp đảm bảo 50% quỹ lương và các khoản chi khác theo chế độ.
- Thu từ học phí đảm bảo 50% quỹ lương, mức đóng học phí:
 - + Nhà trẻ 40 ngàn đồng/ cháu/tháng
 - + Mẫu giáo bán trú 20 ngàn đồng/ học sinh/tháng
 - + Mẫu giáo không bán trú 15 ngàn đồng/ học sinh/ tháng

b/ Các trường thuộc các xã, phường, thị trấn:

- Ngân sách đảm bảo 40% quỹ lương và các chi phí khác theo chế độ.
- Thu từ học phí đảm bảo từ 60% quỹ lương, mức đóng học phí là:
 - + Nhà trẻ bán trú 40 ngàn đồng /cháu/tháng
 - + Mẫu giáo bán trú 24 ngàn đồng/ học sinh/tháng.
 - + Mẫu giáo không bán trú 20 ngàn đồng /học sinh/tháng.

2/ Đối với các trường ở khu vực II

a/ Các trường thuộc các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp đảm nhiệm 50% quỹ lương và các chi phí khác theo chế độ.
- Thu từ học phí đảm bảo 50% quỹ lương, mức đóng học phí :
 - + Nhà trẻ bán trú: 40.000đ/cháu/ tháng
 - + Mẫu giáo bán trú: 20.000đ/ học sinh/tháng
 - + Mẫu giáo không bán trú: 15.000đ/học sinh/tháng

b/ Các trường thuộc các xã, thị trấn:

- Ngân sách đảm bảo 60% quỹ lương và các chi phí khác theo chế độ
- Thu từ học phí đảm bảo 40% quỹ lương, mức đóng học phí:
 - + Nhà trẻ bán trú: 30.000đ/cháu/tháng
 - + Mẫu giáo bán trú: 20.000đ/học sinh/tháng
 - + Mẫu giáo không bán trú: 15.000đ/học sinh/tháng

3/ Các trường ở khu vực III

a/ Các trường thuộc các doanh nghiệp:

- Ngân sách đảm bảo 50% quỹ lương
- Doanh nghiệp đảm bảo 50% quỹ lương và các chi phí khác theo chế độ

b/ Các trường thuộc các xã, thôn, buôn: Ngân sách đảm bảo 100% quỹ lương và các chi phí khác theo chế độ.

4/ Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 03 năm 1999.

ĐIỀU III : Các ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh , Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Tài chính - vật giá, thủ trưởng các sở , ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Nơi nhận :

- Như điều III
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND các huyện, TP
- Lưu VT, VX, TM, TH
(N.QUANG/ QĐ TRO CAP/ 30 B)

TM.ỦYBAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Xuân